SAFETY JOGGER TACTICAL

Medium

MAMBA 06 LOW

MAMBALOW

nh ẹ , th ể **thao và**
ch ố n g thấm nư ớc , c ổ thấp

MAMBA 06 LOW m**àng** k**ống** bảo v ệ **bàn chân màng** d ố n g thấm nư ớc , đế **ngoài** b**ằng** g**ôm cao su** và t l ạnh .

Những vật liệu **cao** cấp hơ**n** t**ổng** h**ợp** T**PU**. Lưới	
lót bên trong	màng
trong Đ	ệm **chân** S**J**làm từ **mút tái** chế (96% vật liệu **tái** chế)
ngoài Đ	Philon/cao su
i Loạ	06 / SR, SC, HI, HRO, CI, ESD
Phạm **vi kích** thước	EU 36-48 / UK 3.5-13.0 / US 4.0-13.5 JPN 22.5-31.5 / KOR 235-315
ng lượng t **thép**	0.390 kg
ẩn **hóa** chu	EN ISO 20347:2022+A1:2024 ASTM F2892:2024

CO₂ 5.47 kg

BRN

BLK

giày cao su
ế ngoài cao **su** cung cấp **các tính năng linh** hoạt **giúp chúng phù** hợp hơn ứng dụng: khả **năng** chống cắt , khả năng chịu nhiệt **và** độ lạnh, **tính linh** hoạt **cao** ở nhiệt độ lạnh, khả **năng** chống trơn trượt và nhiều l

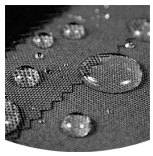

lót chống thấm nước
Giữ cho đôi chân khô ráo trong môi

Công nghiệp n:

c ật thiế n thu

ường: **Môi** t

Bề mặt cự c mị n ờ n, **mô**i ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẩ cáp hà nhiệ Không trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20347**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
	Những vật l iệu ti **mềm,** D ớ **cao** cấp h ơn					
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8		3.9	ờ	mg/cm/g
	Top: h ệ số ớ	? 15		32.3		mg/cm2
ót bên trong	**màng**					
	L ớp lót: ấm ớ	? 2		4.90	ờ	mg/cm/g
	lót: h ệ số ớ	? 20		41		mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800		Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles		chu kỳ
goài	Đ **Phlon/cao su**					
	Ch ố m ả g ế ngoài (	? 150		59		mm
	Chư ố t bản - Ceramic + NaLS - Trư ớt **gót** ề phía t	? 0.31		0.46		ma sát
	r Cột ố t bản - G ố m + NaLS - Trư ớt ề phía t	? 0.36		0.47		ma sát
	r Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt **gót** phía t	? 0.19		0.28		ma sát
	Chư ố t SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt ề phía t	? 0.22		0.25		ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000		25.0		megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100		38		megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân ủ	? 20		37		J

kích thước thép: 42

a chúng tôi, không có ế thay đổi. Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		3.20		kg
	Bao bì		0.12		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			5.47 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		11%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán và có thể thay đổi.